

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH
TÙY SỚ DIỄN NGHĨA SAO

QUYỂN 73

Trong phần thứ tư là “Đại tận”, văn cũng như trước gồm bốn:

Một: Dựa nơi Luận để phân định.

Hai: Từ câu: “Năm loại ấy dựa nơi” tiếp xuống: Là Luận giải thích nghĩa.

Ba: Từ câu: “Hai thứ trước là” tiếp xuống: Là nhận định phân biệt.

Bốn: Từ câu: “Trong văn, trước là” tiếp xuống: Là biện biệt về nghĩa của kinh.

Trong phần hai, nêu nội dung của năm nghĩa, thì chữ Nghĩa trở lên đều là văn của Luận. Từ chữ Nghĩa trở xuống là Sớ giải thích.

Nhưng hai thứ trước là lìa hai chướng (Hoặc và Trí) trở thành tâm Giải thoát và Tuệ giải thoát. Ba thứ sau là lợi tha tức là ba nghiệp: Một: Là Ý, hai là Khẩu. Tuy nói ý duy trì nhưng chính ở nơi Khẩu thuyết giảng. Ba tức là thần thông của Thân.

Từ câu: “Nay nói về phần một là Tập Trí” tiếp xuống: Văn nơi phần Sớ giải gồm bốn:

Một: Làm rõ tổng quát về ý chính.

Hai: Từ câu: “Trong văn” tiếp xuống: Là nhận định chung.

Ba: Từ câu: “Nhưng chung cả chân vọng” tiếp xuống: Là biện minh tổng quát về nghĩa loại.

Bốn: Từ câu: “Ở nơi văn với sáu lớp” tiếp xuống: Là đối chiếu nơi văn để thấu tóm.

Một: Văn nơi Luận có ba đoạn:

Một là: Xác lập chung về bảy tên gọi: Tức một là Tập Trí lớn v.v... Như vừa nêu dẫn ở trước.

Hai là: Biện biệt tổng quát về chỗ nương dựa để dấy khởi của bảy Trí, lược hiểu bày về Tướng.

Ba là: Giải thích chung về tướng của bảy Trí.

Nay trong văn của phần Sớ giải chia ra bảy đoạn: Nơi mỗi mỗi Trí đều có ba lớp. Như nơi về Tập Trí; “Nay thứ nhất là nói về Tập Trí” Tức là phần một, nêu ra tên gọi. Hai là dựa nơi diệu lực có thể đoạn trừ Nghi, tức Luận là đoạn thứ hai nói về phần một là sự nương tựa, dấy khởi. Ba là thấu rõ về pháp duyên tập, tức Luận là đoạn thứ ba, giải thích về Nghĩa.

Sáu Trí sau đều gồm đủ ba lớp như thế. Đại sư Tuệ Viễn giải thích về duyên Tập nói: Thân gồm chỉ là một thứ, hoặc phân làm hai: Một là “Vọng duyên tập”, ba cõi là Hư vọng, chỉ một Tâm tạo ra. Như chỗ thấy trong mộng chỉ là Tâm lãnh hội. Hai là “Chân duyên tập”.

Tất cả các pháp đều là Chân tâm dấy khởi. Như chỗ thấy của mộng đều là sự tạo tác của Báo Tâm.

Hoặc nói là ba tức phân ra có ba môn:

Một là: Chân vọng lìa, hợp làm ba. Lìa là hai thứ trước. Hợp là một thứ ba.

Hai là: Căn cứ nơi Tâm Thức để luận về ba: Thứ nhất là “Sự duyên Tập”: Từ sự, Thức dấy khởi tất cả pháp. Thứ hai là “Vọng duyên tập”: Từ nơi duyên vọng mà dấy khởi tất cả pháp. Thứ ba là “Chân duyên tập”: Trong Thể của Chân Thức gồm đủ tất cả hằng sa Tánh đức hơn hẳn, hỗ tương tập thành nên gọi là duyên tập. Lại nữa, từ Chân Thức dấy khởi hết thảy pháp, nên Kinh nói: “Nếu không có Tạng Thức thì bảy Thức kia chẳng trụ, chẳng có thể chán khổ, vui thích cầu đạt Niết-bàn. Do Như Lai Tạng nên dấy khởi các pháp.

Ba là: Dựa theo Hữu vi, Vô vi để nói về ba: Thứ nhất là Hữu vi Duyên Tập. Thứ hai là Vô vi duyên tập. Thứ ba là gồm đủ hai thứ duyên tập. Đều như nơi địa thứ sáu đã nói.

Thứ ba là dùng Nghĩa loại để thân tóm, tức trong ba thứ trước là thứ nhất và ba. Trong bốn, năm ở nơi văn có thể nhận biết. Tuy phần sáu không ra ngoài ba thứ trước. Chỗ thân tóm đã xong. Phần giải thích nghĩa cũng đã trọn đủ: Một là chỉ có Nhiễm, đã thân tóm sáu Tập.

Hai có bảy Tập, ba chỉ có một Tập. Bốn có ba Tập. năm chỉ có hai Tập. Vô vi có ba, Hư không đã nói riêng. Ở đây chỉ nói hai Vô vi: Một là Tịnh. Hai là Diệt. Niết-bàn có bốn: Hữu dư, vô dư cùng với Vô Trụ. Đều căn cứ trên sự tu tập hiển bày nên được gọi là Tịnh.

Sáu chỉ có một Tập nên có tất cả hai mươi Tập.

Trong đoạn thứ sáu gồm bốn chi tiết:

Một: Nêu chung cả ba.

Hai: Từ câu: “Nên Luận nói” tiếp xuống: Là dẫn chứng.

Ba: Từ câu: “Do Pháp giới” tiếp xuống: Là Sở giải thích. Thuận nơi Pháp giới Thiện ở trên là Tịnh. Pháp giới chẳng Thiện là Nhiễm. Pháp giới Vô vi là diệt. Vô vi cùng với Thiện là Chánh, chẳng Thiện là chẳng Chánh.

Bốn: Từ câu: “Mà các câu của Luận” tiếp xuống: Là kết hợp để giải thích văn của Luận.

Nhưng ở trên đã dùng ba sự ấy để chia, hợp nên là sáu đoạn, mà văn không đúng theo thứ lớp. Lại nữa, Kinh hiện tại cùng với Luận giải thích Kinh, về thứ lớp cũng có một ít dị biệt.

“Như dựa nơi văn hiện tại để biện biệt về thứ lớp”: So sánh với phần Luận giải thích Kinh thì Luận giải thích kinh thiếu hai:

Một là không có “Thế giới Tập”.

Hai là không có Trí Tập phân biệt, quyết định sau cùng về tất cả các pháp.

Ý của phần Luận giải thích cho Thế giới là Thế giới thành hoại, nên đem nhập vào “Nhất thiết pháp Tập” ở sau, thuộc nơi tổng kết. Nhưng mười tám kết thành mười chín.

Nay cho Thế giới là chung, gồm cả Phật và chúng sanh, như nơi Phẩm Thế giới thành tựu, phần chung chỉ có thành, không có nghĩa hoại. Cõi của sự thành hoại chỉ thuộc về chúng sanh.

“Lại dựa vào Kinh hiện tại để biện minh về thứ lớp”.

Một là: Nêu rõ về ba cõi chung cả y báo, chánh báo, để biện minh tổng quát về chỗ dựa của chúng sanh.

Hai là: Tiếp theo nói: “Thế giới chung nơi Nhiễm Tịnh”. Tức tiếp đến là biện biệt về pháp giới, hướng lên trên là bốn chỗ nương tựa trên. Hướng xuống dưới là cùng với pháp Hữu vi, Vô vi mà làm chỗ nương tựa. Pháp giới là chung, do Tánh theo duyên tức có Hữu vi, Vô vi. Chúng sinh là người chủ thể mê chấp. Thức giới là gốc của chúng sinh. Hư không là trụ xứ của chúng sinh v.v... Niết-bàn là chốn quy ngưỡng của chúng sinh. Phiền não là nhân của chủ thể mê lầm. Hành gồm nơi Nghiệp tức hiển bày trước đều là Quả. Câu này phần đầu nói đến Bồ-tát cõi đây, do nhân phiền não cảm được thế giới thành hoại. Tiếp đến biện minh về người trở lại nguồn gốc. Từ “Như Lai” trở xuống là biện minh về Quả trở lại nguồn. Kết luận: Tất cả không dừng ở số hai mươi.

Thứ hai là “Trí Ứng Hóa”: cũng gồm đủ ba phần trên: Tức một là nêu ra tên gọi. Hai là nương dựa, dấy khởi. Ba là giải thích về Tướng. Ở nơi văn phân làm hai:

Một: Nêu tên gọi, nhận định chung.

Hai: Từ câu: “Trong phần riêng có mười câu” tiếp xuống: Là theo văn để giải thích riêng.

Trong phần một, tức đem chỗ nối tiếp văn trước của Kinh để giải thích Luận về phần thứ hai là lặp lại chỗ nương dựa dấy khởi. Do phần thứ ba giải thích nghĩa dễ lãnh hội nên không nêu ra. Luận viết: “Trong đó, trí ứng hóa với những sai biệt nơi chúng sinh”. Đại sư Tuệ Viễn nói: Hóa có ba thứ:

Thứ nhất: Căn cứ nơi Tâm mới khởi có sự phân biệt mà tạo sự biến hóa.

Thứ hai: Dựa theo sự dứt Tưởng để Luận. Vật thấy ta hóa mà Ta thật chẳng hóa.

Thứ ba: Căn cứ theo chỗ Chân thật mà nêu. Trong môn duyên khởi đều là tạo nhân chân thật, là chỗ thị hiện của pháp môn. Nay dựa theo nghĩa sau. Do đó, Trí duyên tập ở trước mà dấy khởi dụng biến hóa.

Thứ ba là trong “Trí Gia trì”: Văn cũng gồm đủ ba:

Một: Nhắc lại chỗ gọi tên của Kinh.

Hai: Từ câu: “Luận viết” tiếp xuống: Là biện minh về chỗ nương tựa dấy khởi.

Ba: Từ câu: “Nghĩa là dựa vào sự ứng hóa kia” tiếp xuống: Là Sở giải thích về chỗ nương khởi của Luận. Chính là giải thích nghĩa trong đoạn thứ ba, luôn ứng hóa chẳng dứt là “Gia trì”. Tức cho “Chẳng dứt” là nghĩa “Chuyển”, như “Chuyển Pháp luân”.

Số câu: “Ba câu đầu nói chẳng đoạn tuyệt Tam bảo”: Chẳng đoạn tuyệt là nghĩa “Duy trì” trong Tam bảo. Tức Phật chẳng không bị đoạn tuyệt là sự duy trì về Phật.

Số câu: “Nguyện v.v... là Thể của Nhân”: Đối chiếu với sự duy trì của Thời gian ở trên nên gọi là Thể của nhân. Theo Thể có hai:

- Nguyện là Tâm của phương tiện dấy khởi Hành. Cúng dường và Hành tức dựa nơi Nguyện.

- Chánh hành cúng dường thân tóm phước, hành thân tóm Trí.

Thứ bốn là trong Trí Vi tế: Văn gồm ba phần:

Một: Lặp lại chỗ nêu tên gọi của Kinh.

Hai: Từ câu: “Nghĩa là nhận biết” tiếp xuống: Là giải thích Nghĩa.

Ba: Từ câu: “Cho nên Luận viết” tiếp xuống: Là nối tiếp phần biện minh về chỗ nương dựa, dấy khởi ở trước.

Trong phần nói về Hành gồm hai:

Một là: Nêu dẫn Luận.

Hai là: Từ câu: “Tức là dựa nơi” tiếp xuống: Là Sở giải thích.

Nói “Ba Trí”: Tức một là Ứng hóa. Hai là Gia trì. Ba là Thiện tập. Tức duyên Tập Trí ở trước, sở dĩ kết hợp, vì Tập trí là trí, Ứng hóa là Bi. Bi, Trí không ngăn ngại là sự vi tế của Phật.

Sở câu: “Chẳng phải chỉ có tám Tướng mà một gồm đủ bảy Tướng còn lại”: Chỉ một Trí Ứng hóa, tức có thể khiến một mà có đủ tất cả. Nay, mỗi mỗi sự đều có đủ ba Trí, nên là Vi tế. Do Như Lai chứng đắc pháp môn này, Riêng có mười sự, thì phần nhiều giống với tám Tướng, mà không đủ tám tướng.

Thứ năm là Trí Mật xứ: Văn nơi phần Sở giải gồm bốn:

Một: Nêu tên gọi.

Hai: Từ câu: “Dựa nơi sự Hộ trì căn” tiếp xuống: Là biện minh về chỗ nương tựa đầy khởi.

Ba: Từ câu: “Hiện bày Tho” tiếp xuống: Là giải thích nghĩa bí mật.

Bốn: Từ câu: “Ba câu đầu” tiếp xuống: Là giải thích văn. Văn bao hàm nhiều nghĩa, văn của các phần Sở giải ở trước đã nêu đủ.

Thứ sáu là Trí Nhập kiếp: Văn gồm năm phần:

Một: Nêu tên gọi.

Hai: Từ câu: “Dựa nơi thọ mạng để Hành” tiếp xuống: Là nêu dẫn chỗ nương khởi của Luận.

Ba: Từ câu: “Tức là Kiếp” tiếp xuống: Là Sở giải thích Luận gồm cả tướng của Nhập Kiếp.

Bốn: Từ câu: “Cũng là mười đời” tiếp xuống: Là tóm kết, xác nhận Huyền môn.

Năm: Từ câu: “Do đạt được” tiếp xuống: Là nêu ra nguyên do của sự Tức, Nhập.

Thứ bảy là Trí Nhập đạo. Văn phân làm bốn:

Một: Nêu tên gọi.

Hai: Từ câu: “Luận viết” tiếp xuống: Là nói về chỗ nương dựa đầy khởi.

Ba: Từ câu: “Nghĩa là hội nhập khắp” tiếp xuống: Là Sở giải thích chỗ nương khởi.

Bốn: Từ câu: “Trong phần riêng” tiếp xuống: Là giải thích văn.

Phần ba, hiển bày chỗ nêu tên gọi ở trước gồm đủ ba nghĩa:

Thứ nhất: Nhận biết rõ về “Đạo phạm phu”. Đạo nghĩa là Nghiệp Hoặc, do thuận, nghịch v.v... đều là đối tượng được nhận biết.

Thứ hai: Từ câu: “Nếu căn cứ nơi” tiếp xuống: Là nhận biết về

đạo giáo hóa phàm phu. Nghĩa là tất cả Luận về pháp thiện gọi là Đối trị, tức thuận theo danh tự thâm nhiếp.

Thứ ba: Nhận biết về sự giáo hóa hàng phàm phu, tức là Phật đạo. Văn chính là nêu ra phần này.

Trong phần riêng của đoạn bốn, câu tổng quát nghĩa thông hợp cả ba nghĩa. Nơi sự hiển bày riêng về ba thứ, thì hai thứ trước đều là trí thứ nhất. Ở phàm phu đạo thì quán chiếu phá trừ chỗ dựa cậy của Tụ, đến quyển thứ mười tám của Kinh sẽ giải thích đầy đủ.

Sớ câu: “Bốn câu tiếp theo là Hành của chủ thể giáo hóa”: Tức là đạo giáo hóa phàm phu, cũng gồm luôn ý thứ ba là nhận biết về đạo phàm phu, tức là Phật đạo.

“Bốn câu sau nói về quả của sự giáo hóa”, trong đó, nói “Nghĩ bàn” đều như chín địa Từ câu: “Thứ hai là giải thoát” tiếp xuống: Tổng cộng có bốn đối, văn nơi phần Sớ giải đã phối hợp với nghĩa, đều có thể nhận biết.

Thứ năm là phần giải thích tên gọi:

Sớ từ câu: “Nay, một đoạn này từ chỗ thọ nhận mà được mang tên” tiếp xuống: Văn nơi bản Sớ giải gồm ba”.

Một: Câu trên đây là phân biệt.

Hai: Nêu dẫn chỗ giải thích của Luận.

Ba: Từ câu: “Nghĩa là thân Phật” tiếp xuống: Là phần Sớ giải thích Luận.

Nhưng nơi một đoạn này, nếu theo “Đối tượng được thọ nhận” thì nên gọi là “Địa Pháp Vũ”. Còn theo “Chủ thể thọ nhận” thì phải gọi là “Địa Pháp Hải” Nay, theo “Nơi chốn thọ nhận” nên gọi là Pháp Vân.

Vân chính là Thân Phật. Mà ý của Luận cho là tương tự với việc Nghe pháp, cũng như Hư không, tức cho Hư không là chủ thể thọ nhận, nên Thân Bồ-tát che trùm khắp. Vân là Pháp của đối tượng được thọ nhận, Do nghĩa của “Vân” bao hàm nhiều lãnh vực nên Luận đã lược nêu ra.

Sớ câu: “Do bảy trí trước”: Bảy Trí chính là Hành riêng của địa này, vì thế mà nêu lên. “Thành tựu niệmlực” là lời nhấn mạnh về đức của thọ nhận Pháp.

Từ câu: “Trí ấy thật sự thành tựu” tiếp xuống: Là giải thích câu: “Tùy thuận Vô lượng Bồ đề”. Do nhân quả đều thành tựu nên nói “Tùy thuận vô lượng Bồ đề. Đức của vô lượng đều tùy thuận vậy.

Sớ câu: “Hai câu trên là nói về Tánh”: Luận trong một lúc gọi đủ là “Nghe pháp”, là Tánh nên tạo tác, thị hiện hai sự.

Từ Câu: “Nghĩa là ba Tuệ” tiếp xuống: Là Sở giải thích Luận.

Từ câu: “Pháp lớn sáng tỏ” tiếp xuống: Là nhắc lại chỗ Luận giải thích Kinh. Nhưng Kinh hiện tại viết: “An trụ, thọ nhận, thâm tóm, duy trì”. Luận giải thích Kinh gọi là: “Thọ lãnh, Kham nhận, tư lự, duy trì”. Tư lự tức là thâm tóm. Kham nhận là An lạc. Thọ lãnh, kham nhận, tuy đảo ngược nhưng đều là văn Tuệ. Sở chọn lấy nghĩa thuận với Kinh, cũng chẳng mâu thuẫn với Luận để giải thích. Phần còn lại đều có thể nhận biết.

Thứ sáu là Diệu lực thần thông, có phần hơn hết, không gì hơn.

Câu: “Trí Tuệ minh đạt tức là Trí của việc dấy khởi thần thông”: Kinh chỉ có hai câu. Luận giải thích Kinh cũng chỉ nói: “Trụ nơi địa này, ở nơi Trí Tuệ đạt được diệu lực tự tại hơn hết là khéo lựa chọn, tức thần thông của đại trí theo chỗ suy niệm nơi Tâm”. Nhưng Luận viết: “Trong đó, dựa theo nội dung có bốn thứ: Một là Giải thoát chẳng nghĩ bàn. Hai là Tam muội. Ba là dấy khởi Đà-la-ni Trí. Bốn là thần thông. Như trước đã nêu.

Giải thích: Nay phần Sở giải đã dùng ý, đều phối hợp riêng với kinh, cũng gồm đủ bốn thứ như nơi Luận.

Nói: “Như ở trước đã nói”: Tức là năm thứ đại trong phần “Đại tận” chỉ kết hợp Trí với Đà-la-ni, do Đà-la-ni lấy Trí làm Thể.

“Hai đoạn này” tức dùng sự việc bên ngoài tính chất chuyển biến làm tự tướng của thần thông.

Sở câu: “Không nơi chốn nào là không dung thông, nên có thể một Thân bao hàm Vô lượng”: Ở đây, Kim Cang Tạng chính là dùng trong phần tạo tác tướng Trụ trì nơi trước, ở trong Thân ấy chỉ rõ có Vô lượng quốc độ với các sự việc trang nghiêm, cùng nơi tự Thân thị hiện Thân Phật.

Sở câu: “Ở đây cũng tức là sự việc trong phần đại tận”:

Trong phần nêu văn ở trước đã có nói đến “Năm đại”, nay lại tóm kết, nên viết “Cũng tức là”.

Nghĩa là, thứ nhất là nêu tổng quát về ba Nghiệp, tức thần thông tự tại. Phần còn lại nêu đủ về năm đại”.

Một: Quán sát về ba đời, tức là “Trí đại” thứ nhất.

Hai: Cảnh giới của Tam muội, tức “Tam muội đại” thứ ba.

Ba: Cảnh giới của Trí Tuệ, tức “Đà-la-ni đại” thứ tư.

Bốn: Từ câu: “Du hóa tất cả” tiếp xuống: “Giải thoát đại” “Thứ hai.

Năm: Từ câu: “Biến hóa” tiếp xuống: Là “Thần thông đại” thứ

năm.

Sớ câu: “Trong phần Hồi tức nêu lên chỗ nghi của Bồ-tát về Phật”:

Nghĩa là tin nơi thân thông của Bồ-tát tức là cho Phật chẳng hơn. Trước nêu Phật, nghi về Bồ-tát tức cho là Phật đạt được, cũng nghi về Bồ-tát chẳng đạt được nên hỏi cùng với ý riêng khác.

Sớ câu: “Thứ hai, cho đến thuyết pháp đoạn trừ nghi”: Văn nơi phần Sớ giải gồm ba:

Một: Chánh thức hiển bày chỗ đoạn trừ Nghi.

Hai: Từ câu: “Nhưng đoạn văn tiếp sau ấy” tiếp xuống: Là kết hợp để giải thích văn của Kinh.

Ba: Từ câu: “Nếu dựa theo” tiếp xuống: Là dựa nơi Kinh để giải thích. Có thể nhận biết.

Thứ tám là phần “Ảnh Tượng của địa”: Văn phân làm hai:

Một: Nhận định, phân biệt tổng quát.

Hai: Chánh thức giải thích văn.

Nơi phân biệt Một có ba chi tiết:

Thứ nhất: Căn cứ nơi hai đạo để phân biệt.

Thứ hai: Căn cứ theo sự tu tập hiển bày để phân biệt.

Thứ ba: Căn cứ theo nẻo chẳng phải là một, khác để phân biệt.

Phần thứ nhất là ý của Luận. Trong đó gồm ba”.

Một là: Dựa nơi Kinh để nêu tên gọi.

Hai là: Từ câu “Hai đức trước là” tiếp xuống: Là dùng hai đức để thấu tóm.

Ba là: Dựa nơi Luận để giải thích riêng.

Trong phần “Hai là”, Đại sư Tuệ Viễn cho ba Đức trước đều là đức của Giáo pháp. Nay dùng Biển để dụ cho mười đức, cùng biến hiện khắp nơi nên dụ cho đức của Chứng. Hai thứ Giáo Chứng ấy cũng có thể cách câu cùng đối. Ao đối chiếu với Biển là Tu thành cùng đối. Trong Địa, chân Ngụy hợp tu là Giáo. Như Ao dụ cho việc khởi Hành của Tu. Biển dụ cho việc bỏ vọng hợp chân. Đức Thật cùng hiện khắp cũng như “nghĩa đại”. Thứ hai là dụ cho Tiểu thừa. Thứ tư là dụ cho Châu báu. Tức căn cứ theo sự giảng giải theo Thật. Cùng đối nhờ vào lời là hiển bày về mười Như.

Mười núi kia là Trí của Giáo. Thế chân không hai như ngọc châu lại bao hàm. Các nghĩa còn lại lược chỉ rõ như nhau.

Sớ Từ câu: “Trong phần trước, Ao dụ cho” tiếp xuống: Là phần ba là, dựa nơi Luận để giải thích riêng. Phần còn lại là Sớ giải thích.

Nhưng đoạn Luận tiếp sau, trong phần văn giải thích, cũng là tự giải thích.

Giải thích về phần thứ nhất dụ của Ao viết: “Dựa trên nguyên gốc để tu tập”.

Giải thích về phần thứ hai là “Núi - đức” viết: “Dựa nơi Nhất Thiết Trí tăng trưởng hưởng lên Hành địa thứ mười”.

Giải thích về phần thứ ba là dụ của Biển viết: “Nhân quả cùng thuận hợp. Nay mười đức biến hiện khắp Biển tức là Nhân thuận nơi Quả. Biển gồm mười đức tức là Quả thuận nơi Nhân.

Giải thích về phần thứ tư là dụ của Ngọc viết: “Vượt quá mười Tánh báu tức mọi chướng ngại dứt sạch, sự chứng đắc kiên định.

Sớ câu: “Lại, thập Địa có ba”: Là chi tiết thứ hai, căn cứ theo sự tu tập hiển bày để phân biệt. Do tu thành, pháp, ba thứ mà thâm tómbốn dụ. Hai thứ trước là Tu nên cũng là Giáo. Một thứ tiếp theo là Thành cũng thuận nơi Chứng, ba là Pháp địa thuận theo Biển quả của Phật. Dùng Biển để dụ cho sự dung hợp hai thứ trước. Hai thứ trước tức là tu, thành bao hàm ba dụ của Ao, Núi, Ngọc.

Sớ từ câu: “Lại nữa, bốn dụ này” tiếp xuống” Là chi tiết ba, căn cứ theo nẻo chẳng phải là một - khác để phân biệt. Gồm bốn:

Một: Căn cứ theo Nhân Quả để biện minh chẳng phải là một, khác.

Hai: căn cứ theo trước sau.

Ba: Tóm kết, xác nhận sự Viên dung.

Bốn: Kết luận, chỉ rõ ý gốc.

Nơi phần một được phân làm hai:

Một là: Nêu tổng quát.

Hai là: Từ câu: “Thứ nhất là” tiếp xuống: Là hiển bày riêng.

Ao chẳng phải là Biển, nên gọi là “Khởi đầu khác”. Hội nhập nơi Biển, tức nước của Ao, nên gọi: “Rốt cuộc là đồng”. Đồng, dị, trước sau tức khởi đầu sai biệt mà chung cuộc không sai biệt.

Hai: Nêu ra dụ: Một là địa của Trí Phật nên nêu ra mười núi của địa, gọi là sai biệt của không sai biệt.

Từ câu: “Hai dụ trên” tiếp xuống: Là tóm kết phần trước, làm phát sinh phần sau.

Ba là Biển, tức Nhân Quả kết hợp, thấu triệt.

Bốn là ngọc, tuy chứng, trí là một nhưng chẳng ngăn ngại việc phân ra mười.

Sớ từ câu: “Lại, dụ một trước sau với Thể riêng” tiếp xuống: Là

phần hai, căn cứ theo trước sau để luận về “Chẳng phải là một, khác”. Tức là thập Địa cùng đối chiếu để làm trước sau.

Sớ từ câu: “Một tức là chỗ Tiệm của Viên gia” tiếp xuống: Là phần ba, tóm kết để quy về chỗ Viên dung. Câu này phát xuất từ Tông Thiên Thai mà có chỗ bất đồng nhỏ. Tông phái ấy ở nơi “Tiệm Viên”, là chỗ Viên của nhà Tiệm giáo. Nay cũng là chỗ tột bậc của “Hành bố” nơi Viên giáo. “Viên viên” cũng cùng với tông phái ấy chẳng đồng. Chính là trước sau Viên dung nên gọi là “Viên Viên”. Chẳng phải là sự viên mãn của Viên giáo gọi là Viên Viên”. Cho nên biết trên là dùng Tướng để hiển bày. Hai dụ trước là Giáo. Hai dụ sau là Chứng. Lý thật nơi bốn dụ thì trong mỗi mỗi dụ đều có Giáo chứng.

Như dụ của Ngọc thì thể là Chứng. Đối trị sự xuyên thủng v.v... là Giáo. Ao là phần đầu nơi bốn sông tức là Giáo, hội nhập nơi Biển là Chứng.

Nên căn cứ theo “Chẳng phải là một” thì đều là “Giáo đạo”. Căn cứ theo “Chẳng phải là khác” thì nghĩa đều là “Chứng đạo”.

Lại, chẳng phải là một, chẳng phải là khác, hai nghĩa chẳng đồng, tức là “Giáo đạo” cùng dung thông là Chứng, chớ nên vướng mắc nơi ngôn ngữ.

Sớ từ câu: “Trước nay chỗ giải thích” tiếp xuống: Là phần bốn kết luận, chỉ rõ ý gốc.

Nói “Trước nay chỗ giải thích”: Chỉ trừ bốn dụ, dụ cho bốn công đức, phần còn lại đều là ý của Sớ. Cho nên nói: “Ở nơi Luận tuy khôn”.

Sớ từ câu: “Thứ nhất, trong đức của sự tu hành” tiếp xuống: Là giải thích văn. Nhưng Luận chỉ nói: “Trong đó, công đức của sự tu tập, dựa nơi diệu lực của nguyện gốc để tu hành, dùng bốn Nhiếp pháp để tạo lợi ích nơi Hành ...”.

Sớ câu: “Thứ hai là trong phần dùng chung dụ để hiển bày”: Nhưng mười núi ở đây so với Luận Câu Xá thì phần nhiều là đồng, chỉ có một ít khác nhau. (...)

Sớ câu: “Thứ ba là trong phần Pháp dụ đối chiếu để hiển bày”: Gồm hai:

Một: Nêu rõ Thể của Núi.

Hai: Từ câu: “Như nói” tiếp xuống: Là biện minh về chỗ hiện có.

Phần này gồm có hai chi tiết:

Thứ nhất: Biện minh trực tiếp về chỗ hiện có để so sánh nơi Pháp.

Thứ hai: Luận dùng nghĩa để phân biệt.

Nay nói về phần thứ nhất : Văn đều có thể nhận biết ...

Sớ từ câu: “Luận nói: Ba thứ trước” tiếp xuống: Là chi tiết thứ hai, Luận dùng nghĩa để phân biệt. Gồm hai:

Một: Nêu dẫn Luận để giải thích dụ.

Hai: Từ câu: “Luận chỉ hiển bày dụ” tiếp xuống: Là Sớ dùng nghĩa để giải thích.

Nay nơi đạo phẩm của bốn địa, tức thứ nhất đối trị sự bần cùng. Địa thứ năm tức thứ hai là đối trị cái chết. Địa thứ bảy là thứ ba, đối trị sự thiếu thốn. Địa thứ tám tức là thứ tư, đối trị chỗ chẳng điều phục. Địa thứ chín tức là thứ năm, đối trị nghiệp ác. Địa thứ mười tức là thứ sáu, đối trị Tu la. Đều có thể nhận biết.

Sớ câu: “Hai cùng hỗ tương hiển bày”: Ý trước chỉ là Nhân dựa nơi Quả. Nay thì cùng nương tựa. Gồm bốn phần:

Một: Chính thức nêu rõ chỗ cùng hiển bày.

Hai: Từ câu: “Luận viết” tiếp xuống: Là dẫn nghĩa Biển để dụ cho Chứng.

Ba: Từ câu: “Trước nói dựa nơi địa” tiếp xuống: Là kết hợp với chỗ mâu thuẫn.

Bốn: Từ câu: “Lại nữa, địa tức chỉ dựa nơi” tiếp xuống: Là phân biệt về hai tướng riêng. Tướng riêng có ba:

Thứ nhất: Riêng của chỗ chỉ nương tựa, gồm luôn việc hội nhập.

Thứ hai: Từ câu: “Lại, Núi ở nơi Biển” tiếp xuống: Là riêng của phần hiển bày chỗ trái, tức là.

Thứ ba: Từ câu: “Lại nữa, Núi nhô ra khỏi biển” tiếp xuống: Là Riêng của chỗ bình đẳng, chẳng bình đẳng.

Sớ từ câu: “Trong chỗ hợp, gọi chung là” tiếp xuống: Văn nơi phần Sớ giải phân làm bốn:

Một: Giải thích theo hướng thuận về chỗ chẳng xâm đoạt.

Hai: Từ câu: “Nếu xâm đoạt” tiếp xuống: Là nêu ngược lại để thành lập.

Ba: Từ câu: “Trong phần dụ”: Tiếp xuống: Là kết hợp chung về Pháp dụ, nhằm xác nhận là không xâm đoạt. Do trong dụ nói: “Đạt được tên gọi của Biển lớn thì chẳng thể dời, đoạt”, nêu rõ là căn cứ nơi Quả. Pháp hợp tức gọi là “Hành của Bồ-tát chẳng thể dời, đoạt”, nên biết là căn cứ nơi Nhân.

Bốn: Từ câu: “Cho nên Luận viết” tiếp xuống: Là dẫn riêng Luận để chứng minh, xác nhận. Do Kinh đã tóm lược, nên Luận đã nêu rõ cả

hai. Luận viết đầy đủ là: “Khó vượt qua, có thể vượt qua, là công đức của Quả lớn. Nhân Quả cùng thuận hợp, nên địa thứ mười như Biển lớn khó vượt qua mà có thể vượt qua để đạt được quả lớn Bồ đề”.

Nay do câu nên có phân biệt rõ nên Luận để lãnh hội. Ở trên nói có ba thứ địa” Một là địa tu tập. Hai là địa thành tựu. Ba là địa của pháp. Nay nêu rõ về Tướng chính là thuận nơi hai thứ sau. Độ tức là vượt qua đạt đến.

Sớ câu: “Do chỗ sâu, rộng”: Tức sáu là sâu, bảy là rộng. Phần còn lại có thể nhận biết. Nhưng nơi Kinh đại Bát Niết-bàn quyển thứ ba mươi ba đã nêu rõ Biển có tám đức sau:

- 1) Chuyển sâu dần dần.
- 2) Rất sâu, khó đạt tới đáy.
- 3) Đồng một vị mặn.
- 4) Nước triều không vượt quá hạn định.
- 5) Hàm chứa vô số các thứ báu.
- 6) Là nơi cư trú của các loài chúng sinh thân lớn.
- 7) Chẳng giữ lại tử thi quá đêm.
- 8) Tất cả muôn sông, nước mưa đều đổ về nhưng biển không tăng không giảm.

Giải thích: Kinh ấy nêu dụ chung về Pháp Phật, phần diễn rộng có kết hợp về Tướng. Nay thứ lớp của dụ là dụ nơi thập Địa, nên tăng thêm đến mười, chẳng giống với thứ lớp của Kinh kia.

Sớ câu: “Thứ bốn, trong dụ về châu báu kết hợp nơi mười báu”: Tám Bạc (bốn hướng, bốn Quả) là tám Duyên giác, Quả, Hành là hai, nên tổng cộng là mười. Duyên giác căn lợi, chẳng luôn nhập Quán nên không có nhiều Quả dựa nơi Học, Vô Học, chỉ phân làm hai: “Không dùng việc lợi sinh”, hợp với việc chẳng có thể nêu ra Báu. “Phần sau dẫn “Luận nêu ra nên chọn lấy” chính là chứng minh việc nêu ra Báu, gồm luôn nêu ra nghĩa Biển.

Sớ câu: “Một là nêu ra công đức”: Luận viết đầy đủ là: “Một là nêu ra công đức, tuyển chọn mà dùng để khéo quán chiếu”, phần Sớ giải đã tách ra để giải thích.

“Đoạn văn lớn thứ chín là phần lợi ích”: “Nói về công đức cúng dường”: chẳng phải cho là cúng dường có thể sinh ra công đức. Mà hiển bày pháp này là thù thắng nên có thể khiến cúng dường, là công đức của địa, phần phát sinh tin tưởng ở trên cũng thế.

Sớ từ câu: “Nhưng nghe có hai nghĩa” tiếp xuống: Văn nơi bản Sớ giải gồm hai:

Một: Chính thức giải thích. Thuận nêu rõ là chẳng chấp giữ về Tướng của sự nghe. Tức nơi kinh đại Bát Niết-bàn viết: “Nếu có người nghe kinh, chẳng dấy khởi Tướng nghe chẳng tạo tác tướng thuyết giảng, chẳng dấy khởi tướng về câu, về chữ, tất cả như thế chính là nghe Kinh”.

Giải thích: Đây gọi là xứng hợp với lý mà nghe, như trước đã dẫn...

Hai: Câu: “Trước sau viên dung”: Là ý của Kinh này.

Nói: “Ngang với Phật”: Đoạn Kinh này nói về cảnh giới Quán của

Trí Tuệ Phật. Nay, có thể nghe đúng đắn như sự quán chiếu chân chính kia, nên gọi là “Ngang với Phật”.

Sớ từ câu: “Nghe đã ngang với Phật”: Là thông tỏ chỗ vướng mắc. Gồm hai:

Một là nêu lên vướng mắc.

Hai là: Từ câu: “Nếu lại” tiếp xuống: Là phần đáp lại. Cũng do “Một, nhiều không ngăn ngại”.

Sớ câu: “Thứ hai là động địa”: Nhưng dựa theo chỗ Luận giải thích Kinh viết: “Một là động. Hai là vọt lên. Ba là đi lên trên. Bốn là dấy khởi. Năm là đi xuống dưới. Sáu là Gầm rống”.

Đại sư Tuệ Viễn giải thích: “Đi lên trên là khiến người giác ngộ, đi xuống là chấn chỉnh hàng dưới”.

Phần còn lại như nơi phẩm Hoa Tạng. Phần văn còn lại có thể nhận biết.
